ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HỌC KÌ I
MÔN SINH LỚP 7

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

- Bài 15. Giun đất
- Bài 17. Một số giun đốt khác
- Bài 18. Trai sông
- Bài 21. Đặc điểm chung và vai trò của thân mềm
- Bài 22. Tôm sông
- Bài 24. Đặc điểm chung và vai trò lớp giáp xác
- Bài 26. Châu chấu
- Bài 27. Đa dạng và đặc điểm chung lớp sâu bọ

II. HÌNH THỨC THI

- Trắc nghiệm (lựa chọn 1 đáp án, nối cột, ghi chú hình…) – 5 điểm
- Tự luận (các câu hỏi liên hệ, vận dụng) – 5 điểm

PHẦN I: MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Giun đất sống
a. Tự do b. Kí sinh c. Có giai đoạn tự do, có giai đoạn kí sinh d. Sống bám
Câu 2: Cơ quan hô hấp của giun đất là
a. Mang b. Da c. Phổi d. Da và phổi
Câu 3: Khi mưa nhiều, giun đất chui lên mặt đất để
a. hô hấp b. tiêu hóa c. lấy thức ăn d. tìm nhau giao phối
Câu 4: Giun đất có vai trò
a. Làm đất mất dinh dưỡng b. Làm chua đất
c. Làm đất tơi xốp, màu mỡ d. Làm đất có nhiều hang hốc
Câu 5: Đỉa và vắt có lối sống
a. kí sinh trong cơ thể b. kí sinh ngoài
c. tự dưỡng như thực vật d. tự do
Câu 6: Loài nào thuộc ngành giun đốt được khai thác làm thực phẩm
a. Giun đỏ b. Đỉa c. Rươi d. Giun đất
Câu 7: Loài nào sau đây không thuộc ngành Thân mềm
a. Trai b. Rươi c. Hến d. Ốc
Câu 8: Cơ quan nào đóng vai trò đóng, mở vỏ trai
a. Đầu vỏ b. Đỉnh vỏ c. Cơ khép vỏ (bản lề vỏ) d. Đuôi vỏ
Câu 9: Mài mặt ngoài vỏ trai ta thấy có mùi khét là do… bị cháy khét
a. Lớp xà cừ b. Lớp sừng c. Lớp đá vôi d. Mang
Câu 10: Trai lấy mồi ăn bằng cách
a. Dùng chân giả bắt lấy con mồi b. Lọc nước
c. Kí sinh trong cơ thể vật chủ d. Tấn công làm tê liệt con mồi
Câu 11: Trai lọc nước khoảng
a. 10 lít một ngày đêm b. 20 lít một ngày đêm
c. 30 lít một ngày đêm d. 40 lít một ngày đêm
Câu 12: Ấu trùng trai thường bám vào mang và da cá để
a. Lấy thức ăn b. Lẩn trốn kẻ thù c. Phát tán nòi giống d. Kí sinh
Câu 13: Ngọc trai được tạo thành ở
a. Lớp sừng b. Lớp xà cừ c. Thân d. Ống thoát
Câu 14: Loài nào được coi là giáp xác lớn nhất
a. Rận nước b. Cua nhện c. Tôm ở nhờ d. Con sun
Câu 15: Loài chân kiếm kí sinh ở vật chủ
a. Người b. Trâu, bò c. Cá d. Tôm ở nhờ
Câu 16: Loài giáp xác nào là nguồn thực phẩm cho con người?
a. Chân kiếm b. Mọt ẩm c. Tôm hùm d. Con sun

LIVEWORKSHEETS

Câu 17: Loài giáp xác nào thích nghi lối sống hang hốc
a. Tôm ở nhờ b. Cua đồng c. Bề bề d. Chân kiếm
Câu 18: Châu chấu là đại diện thuộc lớp
a. Giáp xác b. Thân mềm c. Sâu bọ d. Hình nhện
Câu 19: Cơ thể châu chấu chia làm mấy phần
a. Có hai phần gồm đầu và bụng b. Có hai phần gồm đầu ngực và bụng
c. Có ba phần gồm đầu, ngực và bụng d. Cơ thể chỉ là một khối duy nhất
Câu 20: Châu chấu di chuyển bằng cách
a. Bò bằng cả 3 đôi chân b. Nhảy bằng đôi chân sau (càng)
c. Nhảy bằng đôi chân sau và bay bằng cánh d. Bò, nhảy hoặc bay.
Câu 21: Thức ăn của châu chấu là
a. Chồi, lá cây b. Động vật c. Máu người d. Mùn hữu cơ
Câu 22: Để trưởng thành, châu chấu non phải
a. Đứt đuôi b. Lột xác c. Kết kén d. Hút máu
Câu 23: Vì sao nói châu chấu là loại sâu bọ gây hại cho cây trồng
a. Vì chúng gây bệnh cho cây trồng b. Vì chúng hút nhựa cây
c. Vì chúng cắn đứt hết rễ cây d. Vì chúng gặm chồi non và lá cây
Câu 24: Sâu bọ nào phá hoại đồ gỗ
a. Bọ cạp b. Châu chấu c. Mọt hại gỗ d. Bọ ngựa
Câu 25: Loài sâu bọ nào có tập tính kêu vào mùa hè
a. Ve sầu b. Dế mèn c. Bọ ngựa d. Chuồn chuồn
Câu 26: Ấu trùng chuồn chuồn sống ở đâu
a. Trong đất b. Kí sinh trong cơ thể động vật c. Trên cây d. Dưới nước
Câu 27: Bọ ngựa có lối sống và tập tính
a. Ăn gỗ, tập tính đục ruỗng gỗ b. Kí sinh, hút máu người và động vật
c. Ăn thịt, dùng đôi càng trước để bắt mồi d. Ăn thực vật, tập tính ngụy trang
Câu 28: Loài sâu bọ nào sau đây hút máu người và động vật
a. Ruồi b. Muỗi c. Mọt ẩm d. Chuồn chuồn
Câu 29: Sâu bọ hô hấp bằng
a. Da b. Phổi c. Hệ thống ống khí d. Da và phổi
Câu 30: Sâu bọ là vật chủ trung gian gây ra bệnh nào sau đây?
a. Covid 19 b. Đau dạ dày c. Sốt rét d. Viêm phổi

PHẦN II: CHÚ THÍCH CHO CÁC HÌNH SAU:

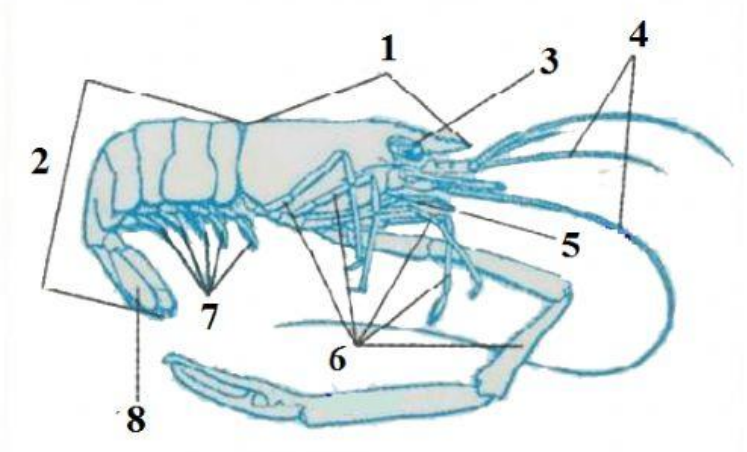

1
2
3
4
5
6
7
8

LIVEWORKSHEETS

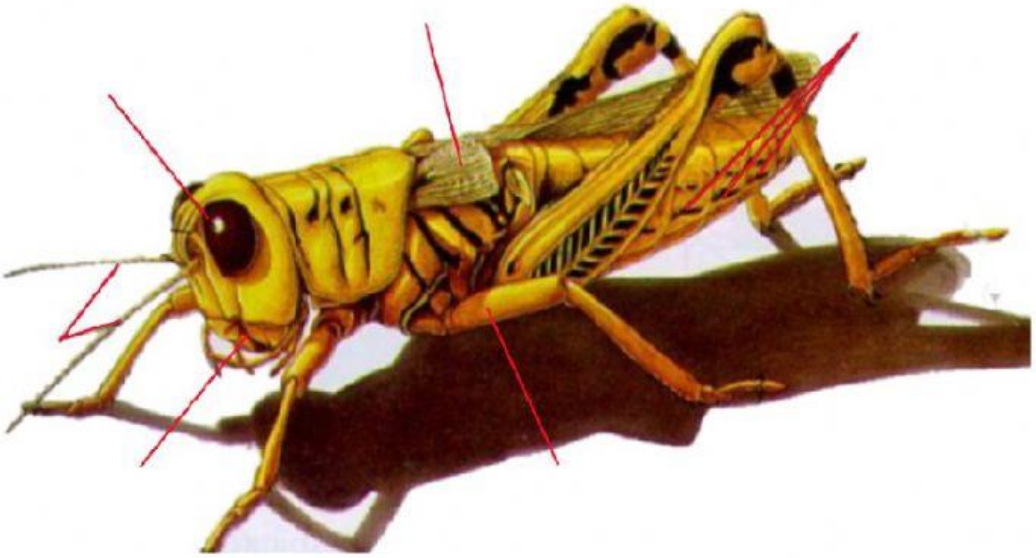

PHẦN III: CHO BIẾT TÊN CỦA CÁC SINH VẬT SAU:

LIVEWORKSHEETS

PHẦN IV: SẮP XẾP CÁC SINH VẬT SAU VÀO CÁC NHÓM TƯƠNG ỨNG

NGÀNH THÂN MỀM		NGÀNH CHÂN KHỚP			
		LỚP GIÁP XÁC		LỚP SÂU BỌ	
Bọ ngựa	Bọ xít	ốc sên	Mực	Sò huyết	Con gián
Ve sầu	Con ngao	Châu chấu	Bạch tuộc	Trai sông	Tôm sông
Cua nhện	Tôm sú	Con tép	Bọ rùa	Bề bề	Tôm hùm

PHẦN V: KỂ TÊN MỘT SỐ ĐẠI DIỆN VÀ CHO BIẾT VAI TRÒ.

MỘT SỐ ĐẠI DIỆN CỦA NGÀNH THÂN MỀM:

VAI TRÒ:

MỘT SỐ ĐẠI DIỆN CỦA LỚP GIÁP XÁC:

VAI TRÒ:

LIVEWORKSHEETS